

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
ĐƠN VỊ: KHOA LUẬT

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	Pháp luật thương mại ASEAN		
Mã học phần:	DLU0030	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	DLU0030_1		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input checked="" type="checkbox"/> Có	<input type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhất Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO 1	Vận dụng được các vấn đề pháp lý cụ thể trong pháp luật cộng đồng ASEAN nói chung và lĩnh vực thương mại nói riêng.	Tự luận, trắc nghiệm	45%	1-7 (trắc nghiệm), 2 (Tự luận)	4.4	PI 3
CLO2	Vận dụng được kiến thức về đã học để tư vấn, giải quyết tranh chấp phát sinh trong thương mại ASEAN.	Tự luận, trắc nghiệm	45%	8, 9 và 10 (trắc nghiệm), 1 và 3 (Tự luận)	4.4	PI 3
CLO4	Vận dụng được các kỹ năng về trong giải quyết tranh chấp thương mại ASEAN.	Tự luận	10%	1	1.3	PI 5 và PI 6

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm

CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

Ví dụ:

PHẦN TRẮC NGHIỆM (10 CÂU)

Cơ quan giúp việc của ASEAN là:

- A. Tổng Thư ký, ban thư ký ASEAN
- B. Hội đồng Điều phối ASEAN
- C. Cấp cao ASEAN
- D. Hội đồng Cộng đồng ASEAN

ANSWER: A

Hài hòa hóa các tiêu chuẩn sản phẩm và quy chế, giải quyết nhanh hơn các thủ tục hải quan và thương mại và hoàn chỉnh các quy tắc về xuất xứ chính là các biện pháp mà ASEAN cần thực hiện để xây dựng vấn đề gì?

- A. Thị trường ASEAN thống nhất
- B. Phát triển kinh tế khu vực
- C. Hợp tác khu vực bền vững
- D. Ổn định an ninh khu vực

ANSWER: A

Trong các quan hệ ngoại khối với ASEAN, quan hệ nào là quan hệ mang tính chất đa phương:

- A. ASEAN+3
- B. ASEAN+1
- C. ASEAN với Nhật Bản
- D. ASEAN với EU.

ANSWER: A

Khu vực thương mại tự do ASEAN được viết tắt là:

- A. AFTA
- B. AEC
- C. ATFA
- D. APEC

ANSWER: A

Đâu là các nội dung chính thuộc Kế hoạch tổng thể Cộng đồng Văn hóa Xã hội ASEAN:

- A. Phát triển con người; phúc lợi xã hội và bảo vệ; công bằng xã hội và các quyền; đảm bảo môi trường bền vững; xây dựng bản sắc ASEAN; thu hẹp khoảng cách phát triển.
- B. Phúc lợi xã hội và bảo vệ; công bằng xã hội và các quyền; đảm bảo môi trường bền vững; xây dựng bản sắc ASEAN
- C. Công bằng xã hội và các quyền; đảm bảo môi trường bền vững; xây dựng bản sắc ASEAN; thu hẹp khoảng cách phát triển.
- D. Gắn kết con người; phúc lợi xã hội và bảo vệ; công bằng xã hội và các quyền; đảm bảo môi trường bền vững; xây dựng bản sắc ASEAN.

ANSWER: A

Yếu tố nào sau đây cấu thành Cộng đồng kinh tế ASEAN:

- A. Một thị trường đơn nhất và cơ sở sản xuất chung, một khu vực kinh tế cạnh tranh, phát triển kinh tế cân bằng, hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu.
- B. Một khu vực kinh tế cạnh tranh
- B. Phát triển kinh tế cân bằng
- C. Hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu

ANSWER: A

Tiền đề hình thành của cộng đồng văn hóa xã hội ASEAN KHÔNG xuất phát từ yếu tố nào

- A. Ý thức chung về xây dựng cơ chế bảo đảm chính trị
- B. Sự tương đồng về một số khía cạnh văn Hóa
- C. Sự tác động của các nền văn hóa vào sự phát triển xã hội ASEAN
- D. Phản ứng của các quốc gia thành viên với việc hình thành cộng đồng

ANSWER: A

Nguyên tắc đầu tiên được Hiến chương ASEAN và các Quốc gia thành viên tái khẳng định và tuân thủ là:

- A. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các Quốc gia thành viên;
- B. Tuân thủ pháp quyền, quản trị tốt, các nguyên tắc của nền dân chủ và chính phủ hợp hiến;
- C. Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa, ngôn ngữ và tôn giáo của người dân ASEAN, đồng thời nhấn mạnh những giá trị chung trên tinh thần thống nhất trong đa dạng;
- D. Tuân thủ các nguyên tắc thương mại đa biên và các cơ chế dựa trên luật lệ của ASEAN nhằm triển khai có hiệu quả các cam kết kinh tế, và giảm dần, tiến tới loại bỏ hoàn toàn các rào cản đối với liên kết kinh tế khu vực, trong một nền kinh tế do thị trường thúc đẩy.

ANSWER: A

AEC là mô hình liên kết kinh tế khu vực dựa trên và nâng cao những liên kết hiện có của ASEAN và theo đó bổ sung những nội dung mới nào sau đây?

- A. Tự do di chuyển lao động và di chuyển vốn tự do hơn
- B. Tự do di chuyển con người và tiền tệ
- C. Tự do di chuyển ngoại tệ và lao động
- D. Di chuyển vốn và đầu tư tự do.

ANSWER: A

Nguyên tắc nào sau đây không phải là một nguyên tắc hoạt động của ASEAN:

- A. Giải quyết các tranh chấp bằng phương pháp hòa bình; chỉ được phép sử dụng vũ lực khi được tất cả các nước thành viên nhất trí.
- B. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và toàn vẹn lãnh thổ và bản sắc dân tộc của tất cả các Quốc gia thành viên
- C. Không can thiệp vào công việc nội bộ của các Quốc gia thành viên ASEAN
- D. Tôn trọng các quyền tự do cơ bản, thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, và đẩy mạnh công bằng xã hội.

ANSWER: A

PHÂN TỰ LUẬN

Câu hỏi: (6 điểm)

1. Tất cả các tranh chấp kinh tế, thương mại trong khuôn khổ ASEAN đều bắt buộc giải quyết bằng Nghị định thư Viên Chăn 2004. Theo Anh/Chị nhận định này đúng hay sai và tại sao? (1.5 điểm)
2. Hội đồng điều phối ASEAN là cơ quan quyết định và hoạch định chính sách cao nhất trong tổ chức ASEAN. Theo Anh/Chị nhận định này đúng hay sai và tại sao? (1.5 điểm)
3. Theo hiệp định thương mại hàng hóa ASEAN (ATIGA) 2009, anh chị hay cho biết làm sao để xác định được một hàng hóa không có xuất xứ thuần túy từ ASEAN nhưng vẫn có thể hưởng các ưu đãi thuế quan từ Hiệp định ATIGA? Nêu cơ sở pháp lý? (3 điểm)

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.0	
Câu 1 – 10	A	0.0034	
II. Tự luận		6.0	
Câu 1	Nhận định này là sai	0.5	
	Đối với các tranh chấp kinh tế, về cơ bản các tranh chấp loại này thuộc sự điều chỉnh của Nghị định thư Viên Chăn năm 2004, đây là Nghị định thư về giải quyết các tranh chấp kinh tế-thương mại nói chung. Còn các tranh chấp kinh tế khác, nếu có cơ chế điều chỉnh riêng được quy định trong các văn kiện độc lập thì sẽ thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của các cơ chế riêng biệt này, theo đúng nguyên tắc luật riêng thay thế luật chung.	1	
Câu 2	Nhận định này là sai	0.5	
	Hội đồng cấp cao ASEAN là cơ quan có thẩm quyền cao nhất và cũng là cơ quan hoạch định chính sách của ASEAN còn Hội đồng điều phối ASEAN chuẩn bị các phiên họp của ASEAN submit, điều phối quyết định và phối hợp các cộng đồng ASEAN.	1	
Câu 3	Hàng hóa có xuất xứ không thuần túy hoặc ko được sx toàn bộ: là sản phẩm được sản xuất toàn bộ hoặc từ một phần vật liệu, bộ phận, phụ tùng nhập khẩu hoặc ko rõ xuất xứ (Điều 28 Hiệp định ATIGA 2009). Theo các quy định của pháp luật Asean thì hàng hóa thuộc này được coi là có xuất xứ Asean khi đáp ứng được một trong 3 tiêu chuẩn sau:	0.5	
	+ Tiêu chuẩn hàm lượng giá trị khu vực (RVC): hàng hóa sản xuất tại quốc gia tv có RVC không dưới 40% thì được coi là có xuất xứ Asean. (Điều 29 Hiệp định ATIGA 2009)	1	

	<ul style="list-style-type: none"> <u>Phương pháp trực tiếp:</u> $RVC = \frac{\text{Chi phí NL có xuất xứ} + \text{Chi phí nhân công} + \text{Chi phí sản xuất} + \text{Chi phí khác} + \text{Lợi nhuận}}{\text{FOB}}$ <ul style="list-style-type: none"> <u>Phương pháp gián tiếp:</u> $RVC = \frac{\text{FOB không có xuất xứ} - \text{Chi phí NL không có xuất xứ}}{\text{FOB}} \times 100$		
	<p>+ Tiêu chuẩn chuyển đổi mã số hàng hóa (CTC): hàng hóa được coi là có xuất xứ Asean nếu “tất cả các nguyên vật liệu ko có xuất xứ sử dụng để sản xuất ra hàng hóa đó đã trải qua quá trình chuyển đổi mã số hàng hóa ở cấp 4 số của Hệ thống hài hòa”. Chuyển đổi nhóm được thể hiện ở việc một thành phẩm được sản xuất ra phải có mã số HS ở cấp 4 số khác với mã số HS (cũng ở cấp 4 số) của các nguyên liệu đầu vào dùng để sản xuất ra sản phẩm đó. Hay nói cách khác, thành phẩm phải được xếp ở hạng mục cấp 4 số khác với hạng mục của tất cả nguyên vật liệu nhập khẩu đã sử dụng, điều này có nghĩa là thành phẩm không nằm trong các nhóm hàng của các nguyên vật liệu nhập khẩu đã sử dụng. (Điều 33 Hiệp định ATIGA 2009)</p>	0.75	
	<p>+ Tiêu chuẩn cộng gộp: trong trường hợp nguyên vật liệu và các công đoạn sản xuất hàng hóa liên quan đến nhiều quốc gia Asean thì xuất xứ Asean của hàng hóa có thể được xác định theo tiêu chuẩn cộng gộp như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> Hàng hóa có xuất xứ từ một quốc gia thành viên, được sử dụng làm nguyên liệu tại lãnh thổ của một quốc gia thành viên khác để sản xuất ra 1 sản phẩm được hưởng ưu đãi thuế quan sẽ được coi là có xuất xứ của quốc gia thành viên sản xuất ra sản phẩm đó. Nếu RVC của nguyên liệu nhỏ hơn 40%, hàm lượng giá trị Asean này sẽ được cộng gộp theo đúng tỉ lệ thực tế vào hàm lượng nội địa với điều kiện hàm lượng giá trị Asean này bằng hoặc lớn hơn 20%. <p>(Điều 30 Hiệp định ATIGA 2009)</p>	0.75	
Tổng		10	

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2023
Giảng viên ra đề

Người duyệt đề



Nguyễn Thị Yên



Lê Hồ Trung Hiếu